

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **141/2026/DS-PT**

Ngày: 10 - 3 - 2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đình Triết

Ông Lê Ngọc Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 609/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T – sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn 2B, xã EH, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu A – sinh năm 1995

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường TL, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

**\*Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1966

Nơi cư trú; Thôn 2B, xã EH, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phương L – sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn 2B, xã EH, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956 .

Nơi cư trú: Thôn 2B, xã EH, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T và người đại diện theo ủy quyền bà Đinh Thị Thu A trình bày:***

Trong quá trình làm ăn, bà Trần Thị T có nhiều lần cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng B (bà T gọi bà B là mẹ), ông Nguyễn Văn M vay tiền và cà phê cụ thể như sau:

- Ngày 09/01/2022, bà B đến mượn bà T 01 tạ cà phê nhân xô quy chuẩn. Do bà T không có nhà nên chồng bà T là anh Nguyễn Hữu Ngọc giao cho bà B. Bà B không ký xác nhận lần này nhưng những lần sau đó khi mượn ký xác nhận là xác nhận đồng thời khoản vay trước đó.

- Ngày 12/01/2022, bà B mượn 01 tạ cà phê nhân xô quy chuẩn với giá 40.400 đồng/kg. Bà B trực tiếp ký nhận.

- Ngày 28/01/2022, bà B mượn 5.000.000 đồng, sau đó mượn thêm 3.000.000 đồng, tổng cộng 8.000.000 đồng. Bà B trực tiếp ký nhận.

- Ngày 24/01/2022, bà B mượn 01 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn, giá 40.200 đồng/kg tương đương 40.200.000 đồng. Bà B trực tiếp ký nhận.

- Ngày 09/3/2022, ông M mượn 5.000.000 đồng. Ông M không ký nhận nhưng lần mượn sau bà B ký xác nhận để đồng ý khoản vay trước đó).

- Ngày 17/3/2022, ông M mượn 20.000.000 đồng, bà B ký xác nhận.

- Ngày 10/4/2022, mẹ (tức là bà B) mượn 10.000.000 đồng. Bà B ký xác nhận.

- Ngày 14/4/2022, bà B mượn 20.000.000 đồng. Bà B ký xác nhận.

- Ngày 11/10/2022, bà B mượn 10.000.000 đồng. Bà B ký xác nhận.

Tổng cộng, bà B, ông M đã mượn 73.000.000 đồng và 1,2 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn.

Mặc dù, đã nhiều lần bà T yêu cầu bà B, ông M trả nợ nhưng bà B, ông M không chịu thanh toán. Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B, ông M thanh toán số nợ tiền và cà phê cho bà T theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bà T chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bà B, tuy nhiên nay bà T yêu cầu cả bà B và ông M cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này cho bà T.

***Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng B và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Phương L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M trình bày:***

Trong quá trình làm ăn, bà B có gửi cả phê và tiền cho bà T, sau đó bán dần để lấy tiền. Tuy nhiên, số lần cụ thể thì không thể nhớ do thời gian đã lâu.

Bà B khẳng định các khoản vay mượn này đã được bà T tính và viết giấy chót công nợ cho bà B vào năm 2022 (bà T viết giấy chót nợ và gạch sổ trong sổ của bà B; việc gửi và mua bán cả phê giữa bà T và bà B đã được giải quyết xong tại Bản án số 07/2024/DSST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, bà B không còn nợ bà T khoản tiền và cả phê nào. Ngoài ra, trong các giấy mượn tiền mà bà T cung cấp có dấu hiệu của việc chỉnh sửa nội dung, nên bà B đề nghị Tòa án xem xét theo Bản án số 07/2024/DSST ngày 18/01/2024 khi vợ chồng bà B khởi kiện bà T thì không còn khoản vay nào vợ chồng bà B nợ bà T.

Ý kiến của ông M: Bản thân ông M không vay nợ tiền hay cả phê với bà T.

Do đó, bà B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thịnh về việc yêu cầu bà B trả số tiền 73.000.000 đồng và 1,2 tấn cả phê nhân xô quy chuẩn.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng các Điều 117; 118; 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, về việc buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng B phải trả cho Trần Thị T số tiền 73.000.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu đồng*) và 1.200 kg (*Một nghìn hai trăm ki lô gam*) cả phê nhân xô quy chuẩn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2025 nguyên đơn bà Trần Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Đắk Lắk. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng B đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T - giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Hồng B trình bày từ năm 2018 gia đình bà B có mang tài sản là cà phê nhân xô đến gửi tại đại lý thu mua nông sản của gia đình bà Trần Thị T, khi cần tiền thì đến bán theo giá cà phê tại thời điểm việc gửi và chốt bán cà phê được thiết lập thành 02 bản, có nội dung như nhau và do bà Trần Thị T tự viết, bà B ký. Một bản bà T giữ, một bản giao cho bà B giữ để theo dõi. Hai bên tính toán xong và bà T đã gạch toàn bộ số nợ này trong sổ theo dõi của bà B, bà B không biết chữ nên toàn bộ chữ viết trên giấy là của bà T. Bà T viết lại giấy xác nhận còn nợ cà phê của bà B nên bà B đã làm đơn khởi kiện và được giải quyết tại Bản án số 07/2024/DSST ngày 18/01/2024. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ tại Cơ quan Thi hành án. Hiện nay nguyên đơn và bị đơn không ai còn nợ nần ai.

Đối với các tài liệu chứng cứ do bà T xuất trình, bà B cho rằng các chữ ký bà B đã ký vào các giấy tờ do bà T cung cấp là do bà B ký để bán cà phê và

nhận tiền từ việc bán cà phê với bà T. Bà T đã tự ý chỉnh sửa, viết thêm nội dung cho rằng vợ chồng bà B vay mượn tiền và cà phê của bà T là không đúng sự thật.

Đối với giấy chốt nợ tiền bà B trình bày: Do bà T nói gia đình bà B có tiền thì đem đến gửi cho bà T để lấy lãi hàng tháng. Ngày 22/02/2022 bà B có đưa cho bà T 40.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, bà T có viết giấy nợ bà B 40.000.000 đồng. Sau đó, khi cần tiền bà B đã đến lấy của bà T các lần như sau: Ngày 17/3 lấy 20.000.000 đồng, ngày 10/4 lấy 10.000.000 đồng, ngày 14/4 lấy 10.000.000 đồng. Tổng 03 lần bà B lấy số tiền là 40.000.000 đồng là hết khoản tiền 40.000.000 đồng bà B gửi bà T trước đó. Tại giấy do bà T cung cấp đã chỉnh sửa số tiền, ghi thêm chữ mượn vào giấy vay thực tế đây là khoản tiền bà B đến lấy chứ không phải mượn.

Ngoài ra, bà T đã tự ý ghi thêm ngày 09/3 ông mượn 5.000.000 đồng. Ngày 11/10 bà T tự ý ghi thêm mẹ lấy 10.000.000 đồng đều không có xác nhận của vợ chồng bà. Chữ ký B ngày 11/10 không phải chữ ký của bà vì trước khi bà T khởi kiện bà T đã đưa cho bà B giấy chốt vay tiền thì không hề có xác nhận chữ ký B ở khoản vay.

Quá trình tham gia tố tụng bà T thừa nhận các tài liệu chứng cứ do bà T xuất trình bà đã tự ý sửa chữa nội dung trước khi nộp đơn khởi kiện cho Tòa án. Cụ thể bà T ghi thêm chữ “mượn” vào các khoản vay ngày 09/3/2022, 17/3/2022, 10/4/2022, 14/4/2022, 11/10/2022. Tại khoản vay ngày 17/3/2022 bà T xác nhận đã tự sửa từ số 1 thành số 2 vì ngày 17/3/2022 ông M lấy 10.000.000 đồng, sau đó bà B lấy thêm 10.000.000 đồng nên bà sửa từ 10.000.000 đồng thành 20.000.000 đồng. Vào ngày 14/4/2022 bà B lấy 2 lần tiền, mỗi lần 10.000.000 đồng, do đó bà T cũng tự ý sửa từ số 1 thành số 2, có nghĩa là ngày 14/4 bà B lấy 20.000.000 đồng. Số tiền này bà B chưa thanh toán cho bà T.

Đối với giấy chốt về số lượng 1.200 kg cà phê nhân xô quy chuẩn và 8.000.000 đồng bà B đã vay của bà T, bà T cũng thừa nhận sửa từ “bán” thành “mượn”. Bà T cho rằng, mục đích của bà T tự ý sửa chữa “bán” thành chữ “mượn” tại giấy chốt là để tự diễn giải ý nghĩa của việc lấy tiền của bà B là “mượn”. Mặt khác, bà T trình bày bà là đại lý thu mua cà phê nên vào các ngày 09/01, 12/01, 24/01 bà B đã ra đại lý của bà T và yêu cầu bán cà phê non ghi nhận sẽ bán tổng 1,2 tấn cà phê theo giá tại thời điểm bán và bà B đã nhận đủ tiền nhưng chưa giao cà phê cho bà T.

Đối với số cà phê bà T nợ thì bà B đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết tại Bản án số 07/2024/DSST ngày 18/01/2024.

[2.2] Xét thấy, bà T và bà B đều thừa nhận vào năm 2022, bà B có gửi cho bà T 3,2 tấn cà phê nhân xô. Do nhu cầu của gia đình nên bà B đã bán dần số cà phê trên cho bà T theo giá thị trường tại thời điểm bán, quá trình bán cà phê bà T là người viết giấy và đều ghi làm hai bản bà B và bà T mỗi người giữ một bản.

Tại giấy do bà B cung cấp có thể hiện nội dung ngày 09/01 bà B bán 01 tạ cà phê; ngày 12/01 bán 01 tạ cà phê, 28/01 mẹ mượn 5.000.000 + 3.000.000 và ngày 24/01 bán 01 tấn cà phê. Bà T cũng thừa nhận đã chỉnh sửa từ chữ “*bán*” thành chữ “*mượn*” tại giấy chốt bà T giữ. Do đó, lời khai của bà B cho rằng bà B ký giấy chốt để bán cà phê và nhận tiền từ việc bán cà phê với bà T chứ không mượn cà phê là có căn cứ.

Bà B cung cấp tài liệu chứng cứ tại bút lục số 40 thể hiện các khoản bán cà phê ngày 9/1, 12/1, 24/1 và khoản nợ 8.000.000 đồng ngày 28/1 đã được gạch bỏ, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm bút lục số 126 bà T cũng thừa nhận tài liệu bà B cung cấp các bên đã tính toán xong và gạch chéo là phù hợp với lời khai của bà B cho rằng các bên đã tính toán xong, gạch bỏ và thỏa thuận viết giấy khác thể hiện bà T nợ bà B số cà phê 1.475kg cà phê. Số nợ này được giải quyết bằng bản án số 07/2024/DSST ngày 18/01/2024, các bên đã thi hành án xong.

Bà T cho rằng tài liệu gạch chéo bà B xuất trình là khoản nợ khác không liên quan đến khoản nợ bà đang khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bị đơn cũng không thừa nhận nên kháng cáo của bà T không có cơ sở.

[2.3] Về khoản nợ tiền mặt: Tại bút lục số 24 bà B cung cấp tài liệu thể hiện bà T nợ bà B 40.000.000 đồng, Tại phiên tòa phúc thẩm bà B cung cấp bản chính thể hiện ngày 22/02/2022 Thịnh có mượn mẹ B 40.000.000 đồng chẵn lãi 2 phẩy. Bà T cũng thừa nhận có nợ của bà B 40.000.000 đồng. Bà B cho rằng vào các ngày 17/3/2022, 10/4/2022 và ngày 14/4/2022, bà B đến lấy nợ của bà T số tiền 40.000.000 đồng mà bà B đã cho bà T mượn trước đó. Các lần lấy tiền có sau khi thời gian bà T mượn 40.000.000 đồng của bà B nên không có căn cứ việc bà B đang nợ bà T số tiền 50.000.000 đồng trong các ngày 17/3/2022, 10/4/2022 và ngày 14/4/2022. Đối với khoản nợ ngày 9/3/2022 không có xác nhận của vợ chồng bà B, khoản nợ ngày 11/10/2022 tài liệu do bà B cung cấp bút lục số 51 không có xác nhận của vợ chồng bà B, nên không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, tại giấy chốt nợ tiền mặt bà T cũng thừa nhận đã chỉnh sửa các con số và ghi thêm chữ mượn trong giấy vay.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của bà T là không có cơ sở nên cần giữ nguyên Bản án dân

sự sơ thẩm số 2/8/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T - giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng: Áp dụng các Điều 117; 118; 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **[3]. Tuyên xử:**

[3.1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, về việc buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng B phải trả cho Trần Thị T số tiền 73.000.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu đồng*) và 1.200 kg (*Một nghìn hai trăm ki lô gam*) cà phê nhân xô quy chuẩn.

[3.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị T phải chịu 10.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 5.695.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Trần Thị T đã nộp theo biên lai số AA/2023/0002775 ngày 12/5/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo (Nay là Phòng THADS khu vực 9 – Đắk Lắk). bà Trần Thị T tiếp tục phải nộp số tiền 4.855.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001644 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (ông Nguyễn Hữu V nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 9;
- Phòng Thi hành án khu vực 9;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

**Đinh Thị Tuyết**